Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	6
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	7 - 19

Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102004703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 3 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty chính thức hủy niêm yết tự nguyện vào ngày 17 tháng 9 năm 2018 với sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN vào ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được đăng ký trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") với mã TAG theo Thông báo số 2846/TB-VSD của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") ngày 14 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê mặt bằng, kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1174, Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kinh Doanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên
Ông Đặng Hoàng Anh Chiến	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Hữu Hưng	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên
Ông Lâm Mạnh Quân	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Hoàng Anh Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Hoàng Anh Chiến.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Đặng Hoàng Anh Chiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**203.902.876.448**	**183.181.235.248**
110	***I. Tiền***	***4***	***11.887.622.575***	***3.516.821.740***
111	1. Tiền		11.887.622.575	3.516.821.740
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***150.800.000.000***	***140.000.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	150.800.000.000	140.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***34.786.792.338***	***22.004.025.572***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21	10.107.148.631	11.240.854.035
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	15.000.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7.1	9.679.643.707	10.763.171.537
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***6.428.461.535***	***17.660.387.936***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	5.779.199.317	16.955.048.932
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	11	-	56.076.786
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	649.262.218	649.262.218
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**58.958.104.771**	**63.822.312.800**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***44.254.319.436***	***44.254.319.436***
216	1. Phải thu dài hạn khác	7.2	44.254.319.436	44.254.319.436
220	***II. Tài sản cố định***		***4.581.077.068***	***6.387.160.094***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.581.077.068	6.387.160.094
222	Nguyên giá		22.176.571.625	22.817.849.807
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.595.494.557)	(16.430.689.713)
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***10.122.708.267***	***13.180.833.270***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	10.122.708.267	13.180.833.270
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**262.860.981.219**	**247.003.548.048**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**24.576.066.440**	**18.990.319.891**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***19.486.066.440***	***11.200.319.891***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	638.524.742	791.240.818
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		214.359.324	214.359.324
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	497.640.270	72.589.551
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	8.744.647.928	488.837.528
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	3.599.999.992	3.908.408.475
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.760.776.431	5.694.766.442
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.117.753	30.117.753
330	***II. Nợ dài hạn***		***5.090.000.000***	***7.790.000.000***
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	13	5.090.000.000	7.790.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**238.284.914.779**	**228.013.228.157**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***15***	***238.284.914.779***	***228.013.228.157***
411	1. Vốn cổ phần		249.149.910.000	249.149.910.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*249.149.910.000*	*249.149.910.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.168.804.418	7.168.804.418
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.832.825.096)	(2.832.825.096)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10.082.930.218	10.082.930.218
421	5. Lỗ lũy kế		(25.283.904.761)	(35.555.591.383)
421a	*- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ*		*(35.555.591.383)*	*(47.638.176.709)*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*10.271.686.622*	*12.082.585.326*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**262.860.981.219**	**247.003.548.048**

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Võ Thị Phương Thảo	Vũ Đăng Linh	Đặng Hoàng Anh Chiến
Người lập	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

VND

CHỈ TIÊU	*Mã số*	*Thuyết minh*	**Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**		**Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020**	
			Số quý này VNĐ	*Số lũy kế năm nay VNĐ*	*Số quý này năm trước VNĐ*	*Số lũy kế năm trước VNĐ*
1. Doanh thu thuần về bán hàng	10	15.1	31,703,909,032	101,406,898,895	32,582,700,750	95,237,425,419
2. Giá vốn hàng bán	11	16,17	(31,473,370,465)	(100,410,941,628)	(32,509,248,348)	(94,388,493,031)
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		230,538,567	995,957,267	73,452,402	848,932,388
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15.2	3,169,340,613	9,252,169,019	2,717,184,377	8,088,881,858
5. Chi phí tài chính	22		(8,263)	(12,869)	(954)	(13,030)
6. Chi phí bán hàng	25	17	-	-	-	(3,300,000)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	(35,798,113)	(119,375,991)	(26,975,609)	(95,664,814)
8. Lợi nhuận (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,364,072,804	10,128,737,426	2,763,660,216	8,838,836,402
9. Thu nhập khác	31		6,000	142,949,196	172,727,273	173,590,865
10.Chi phí khác	32		-	-	-	(10,850,466)
11.(Lỗ) lợi nhuận khác	40		6,000	142,949,196	172,727,273	162,740,399
12.Tổng lãi/lỗ kế toán trước thuế	50		3,364,078,804	10,271,686,622	2,936,387,489	9,001,576,801
13.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18.1	-	-	-	-
14.Lãi/lỗ sau thuế TNDN	60		3,364,078,804	10,271,686,622	2,936,387,489	9,001,576,801
15.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	414	414	363	363
16.Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	20	414	414	363	363

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Võ Thị Phương Thảo	Vũ Đăng Linh	Đặng Hoàng Anh Chiến
Người lập	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 10 năm 2021		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**10.271.686.622**	**9.001.576.801**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	1.806.083.026	1.891.066.602
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.388.530.431)	(8.260.403.342)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**2.689.239.217**	**2.632.240.061**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		630.006.458	(10.161.749.438)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		5.585.746.549	(2.525.972.522)
12	Giảm chi phí trả trước		14.233.974.618	11.253.067.737
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**23.138.966.842**	**1.197.585.838**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		136.363.636	172.727.273
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn		(165.800.000.000)	(45.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		140.000.000.000	43.000.000.000
27	Thu lãi tiền gửi		10.895.470.357	2.155.065.110
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(14.768.166.007)**	**327.792.383**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**8.370.800.835**	**1.525.378.221**
60	**Tiền đầu kỳ**		**3.516.821.740**	**2.116.125.742**
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**11.887.622.575**	**3.641.503.963**

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Võ Thị Phương Thảo	Vũ Đăng Linh	Đặng Hoàng Anh Chiến
Người lập	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2021

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102004703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 3 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty trước đây được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ("HNX"). Công ty chính thức hủy niêm yết tự nguyện vào ngày 17 tháng 9 năm 2018 với sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN vào ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được đăng ký trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") với mã TAG theo Thông báo số 2846/TB-VSD của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD") ngày 14 tháng 9 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cho thuê mặt bằng, kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1174, Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.9 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê dưới hình thức thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê, ngoại trừ các khoản thu nhập cho thuê bất thường được ghi nhận khi phát sinh.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Tiền gửi ngân hàng	11.887.622.575	3.516.821.740

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất 8,2%/năm.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho vay tín chấp cho Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 6,39%/năm và có thời hạn hoàn trả tháng 12 năm 2021.

7. PHẢI THU KHÁC

7.1 *Phải thu ngắn hạn khác*

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Phải thu lãi tiền gửi	9.067.088.219	10.762.912.329
Khác	612.555.488	259.208
TỔNG CỘNG	**9.679.643.707**	**10.763.171.537**

7.2 *Phải thu dài hạn khác*

Phải thu dài hạn khác thể hiện các khoản đặt cọc thuê các cửa hàng của Công ty.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn thể hiện các khoản tiền thuê cửa hàng đã trả trước và chờ phân bổ.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	22.817.849.807
Thanh lý	(641.278.182)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	22.176.571.625
Trong đó	
Đã khấu hao hết	*4.255.194.533*
Giá trị khấu hao lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(16.430.689.713)
Khấu hao trong kỳ	(1.806.083.026)
Thanh lý	641.278.182
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	(17.595.494.557)
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	6.387.160.094
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	4.581.077.068

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Công ty Cổ phần Thiết kế Lục Giác	40.778.723	202.640.650
Khác	597.746.019	588.600.168
TỔNG CỘNG	**638.524.742**	**791.240.818**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	*Tăng*	*Giảm*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2021*
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	10.811.133.293	(10.313.493.023)	497.640.270
Khác	72.589.551	3.000.000	(75.589.551)	-
TỔNG CỘNG	**72.589.551**	**10.814.133.293**	**(10.389.082.574)**	**497.640.270**
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	56.076.786	9.547.418.268	(9.603.495.054)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	649.262.218	-	-	649.262.218
TỔNG CỘNG	**705.339.004**	**9.547.418.268**	**(9.603.495.054)**	**649.262.218**

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Chi phí thuê	8.651.464.106	422.653.696
Khác	93.183.822	66.183.832
TỔNG CỘNG	**8.744.647.928**	**488.837.528**

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn thể hiện các khoản thu trước tiền cho thuê cửa hàng.

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Kinh phí công đoàn	2.447.486.741	2.447.486.741
Nhận ký quỹ	959.686.329	959.686.329
Khác	2.353.603.361	2.287.593.372
TỔNG CỘNG	**5.760.776.431**	**5.694.766.442**

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lỗ lũy kế*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020						
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(47.638.176.709)	215.930.642.831
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	9.001.576.801	9.001.576.801
Ngày 30 tháng 9 năm 2020	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(38.636.599.908)	224.932.219.632
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021						
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(35.555.591.383)	228.013.228.157
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	10.271.686.622	10.271.686.622
Ngày 30 tháng 9 năm 2021	249.149.910.000	7.168.804.418	(2.832.825.096)	10.082.930.218	(25.283.904.761)	238.284.914.779

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Cổ phiếu đã được duyệt	24.914.991	24.914.991
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*24.914.991*	*24.914.991*
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	*(116.914)*	*(116.914)*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*24.798.077*	*24.798.077*

16. DOANH THU

16.1 *Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ*

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020*
Doanh thu thuần về dịch vụ cho thuê	101.406.898.895	95.237.425.419
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)	*97.695.899.867*	*92.205.667.329*
Doanh thu đối với bên khác	*3.710.999.028*	*3.031.758.090*

16.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020*
Lãi tiền gửi	9.199.646.247	8.087.676.069
Lãi cho vay	52.520.548	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.224	1.205.789
TỔNG CỘNG	**9.252.169.019**	**8.088.881.858**

17. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020*
Giá vốn dịch vụ cung cấp	100.410.941.628	94.388.493.031

18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020*
Chi phí thuê cửa hàng	98.325.713.583	91.919.389.254
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 9)*	1.806.083.026	1.891.066.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.021.010	673.401.988
Khác	3.500.000	3.600.001
TỔNG CỘNG	**100.530.317.619**	**94.487.457.845**

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**10.271.686.622**	**9.001.576.801**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.054.337.324	1.800.315.360
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ năm trước chuyển sang	(2.054.337.324)	(1.800.315.360)
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 14.173.912.812 VND (năm 2020: 24.445.599.434 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 9 năm 2021*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ vào ngày 30 tháng 9 năm 2021*
2018	2023	46.920.164.130	(32.746.251.318)	-	14.173.912.812

Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty như trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế và chênh lệch tạm thời do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020*
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	10.271.686.622	9.001.576.801
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	24.798.077	24.798.077
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**414**	**363**
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**414**	**363**

21. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021*	*Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020*
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Cung cấp dịch vụ	97.695.899.867	92.205.667.329

Vào ngày kết thúc kỳ kết toán, số dư các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Giao dịch*	*Ngày 30 tháng 9 năm 2021*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Cung cấp dịch vụ	10.107.148.631	11.240.854.035
Phải trả ngắn hạn cho khách hàng				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty trong cùng Nhóm Công ty	Thu hộ	79.593.000	79.593.000

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Đến 1 năm	135.305.991.288	135.307.884.686
Từ 1 đến 5 năm	281.518.688.884	356.347.831.121
Trên 5 năm	118.168.544.035	139.858.671.463
TỔNG CỘNG	**534.993.224.207**	**631.514.387.270**

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	*Ngày 31 tháng 12 năm 2020*
Đến 1 năm	135.657.528.667	135.216.348.517
Từ 1 đến 5 năm	276.091.276.641	353.929.619.101
Trên 5 năm	103.640.273.585	122.552.264.983
TỔNG CỘNG	**515.389.078.893**	**611.698.232.601**

23. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Võ Thị Phương Thảo	Vũ Đăng Linh	Đặng Hoàng Anh Chiến
Người lập	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2021